

**CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ THƯƠNG MẠI CƯỜNG PHONG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ THƯƠNG MẠI CƯỜNG PHONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CUONG PHONG MECHANICAL TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107486449

**3. Ngày thành lập:** 27/06/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ dân phố số 1, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979821910

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                            | 2592(Chính) |
| 2.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                             | 5210        |
| 3.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                     | 4662        |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663        |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                       | 4669        |
| 6.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                       | 4690        |
| 7.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                      | 4719        |
| 8.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752        |
| 9.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 10. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                  | 3311        |
| 11. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                              | 3312        |
| 12. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                  | 3314        |
| 13. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                   | 4100        |
| 14. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                               | 4210        |
| 15. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                            | 4220        |
| 16. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4290        |
| 17. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311        |
| 18. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312        |
| 19. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321        |

|     |                                                                                                                                                                            |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                            | 4322 |
| 21. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                             | 4329 |
| 22. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                             | 4330 |
| 23. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                        | 4390 |
| 24. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Đại lý                                                                                                                                        | 4610 |
| 25. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                     | 4653 |
| 26. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                            | 4659 |
| 27. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                   | 4773 |
| 28. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                             | 4774 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                               | 8299 |
| 30. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                               | 9521 |
| 31. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                        | 9522 |
| 32. | Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 9529 |
| 33. | Quảng cáo                                                                                                                                                                  | 7310 |
| 34. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                  | 7729 |
| 35. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                        | 7730 |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000 VNĐ

### **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: PHẠM VĂN CUỒNG

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 02/12/1980

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013390369

Ngày cấp: 22/05/2013

Nơi cấp: *Công an thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ dân phố số 1, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ dân phố số 1, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

### **8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: PHẠM VĂN CUƯỜNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *02/12/1980*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *013390369*

Ngày cấp: *22/05/2013*

Nơi cấp: *Công an thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ dân phố số 1, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ dân phố số 1, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*